

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2025/HN-ST

Ngày: 13/01/2025

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Đề
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 314/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976, HKTT: 294/172 đường X, tổ A, khu phố A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Tổ E, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1981, HKTT: 294/172 đường X, tổ A, khu phố A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Tổ B, khu phố N, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thùy D chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu, ông S và bà D sống hạnh phúc nhưng gần đây, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Ông đã cố gắng cho nhau cơ hội để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2024 đến nay.

Ông S thấy tình nghĩa vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu còn sống chung sẽ không tốt cho cả hai nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng ông.

Về con chung: Ông S xác định vợ chồng ông có 03 (ba) con chung:

- Nguyễn Hoài P, sinh ngày 03/10/2005 (đã trưởng thành)
- Nguyễn Thanh T, sinh năm 15/8/2003 (đã trưởng thành)
- Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/9/2013.

Đối với các con đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Thanh T1, ông S nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 cho bà D. Ông S tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho con đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa, bị đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S bắt đầu chung sống từ khoảng năm 2001 nhưng mãi đến năm 2008 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng sống ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng do ông S cờ bạc, gái gú, gây nợ nần, phải bán nhà, chuyển về thành phố B. Từ đó, ông S đã bỏ bớt các thú vui không lành mạnh đó, chỉ thỉnh thoảng chơi nhưng ông S lại độc tài, gia trưởng, đánh đập vợ con. Vì nghĩ đến con nên bà D không làm lớn chuyện. Ông S yêu cầu ly hôn, bà D đồng ý.

Về con chung: Bà D xác định vợ chồng ông có 03 (ba) con chung:

- Nguyễn Hoài P, sinh ngày 03/10/2005 (đã trưởng thành)
- Nguyễn Thanh T, sinh năm 15/8/2003 (đã trưởng thành)
- Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/9/2013.

Đối với cháu T và P đều đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu giải quyết. Bà D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ngày 04/11/2024, ông Nguyễn Văn S nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thùy D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2008 tại B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông S, bà D xác định vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn được dẫn đến vợ chồng ly thân nhiều tháng, không có dấu hiệu đoàn tụ.

Tòa án đã tiến hành mời các bên đến làm việc để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và tạo điều kiện để hòa giải cho vợ chồng ông S, bà D nhằm mục đích đoàn tụ gia đình nhưng không thể tiến hành hòa giải được do ông S cương quyết yêu cầu ly hôn, bà D đồng ý ly hôn và vắng mặt tại tất cả các buổi hòa giải.

Hội đồng xét xử xét thấy: Một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là tự nguyện. Thế nhưng vợ chồng ông S, bà D đã không còn muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân do không còn tình cảm, không còn sự tự nguyện muốn gắn kết. Thực tế, ông bà đã không còn chung sống với nhau, mỗi người sống một nơi, không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau như bản chất của một gia đình cần có.

Từ đó xác định mâu thuẫn ông S, bà D là có thật, không thể hàn gắn và khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu ly hôn của ông S là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xác định có 03 (ba) con chung là Nguyễn Hoài P, sinh ngày 03/10/2005; Nguyễn Thanh T, sinh năm 15/8/2003; Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/9/2013. Ông S và bà D đều thống nhất giao cháu T1 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện cháu đang sống cùng mẹ, do bà D chăm sóc, nuôi

dưỡng. Qua tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cháu T1, cháu cũng mong muốn được sống cùng mẹ.

Xét sự thỏa thuận của ông S – bà D về việc nuôi con phù hợp với tình hình thực tế của gia đình ông S, bà D cũng như nguyện vọng của con chung nên giao cháu Nguyễn Thanh T1 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện, ông S tự nguyện cấp dưỡng cho cháu T1 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Quá trình tố tụng tại Tòa, ông S cho biết do hiện công việc của ông có nhiều bấp bênh ảnh hưởng đến thu nhập nên ông không cấp dưỡng cho con. Bà D không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông S phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 2, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D.

2. Về con chung: Có 03 (ba) con chung là Nguyễn Hoài P, sinh ngày 03/10/2005; Nguyễn Thanh T, sinh năm 15/8/2003; Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/9/2013. Giao cháu Nguyễn Thanh T1 cho bà Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn S không cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00003350 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, ông S đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được

niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND Phường 21, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thanh Tâm